

Số: 121/2022/QĐCNHGT-DS

TP. Tuyên Quang, ngày 20 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN  
KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của Ngân hàng H và ông Bế Văn Q, bà Nông Thị X

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đề ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- Người khởi kiện: **Ngân hàng H**

Địa chỉ: Nhà N04, đường H, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm L, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng H - chi nhánh V.

Địa chỉ: Số 6, phố L, phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người nhận uỷ quyền lại: Ông Kim C1, chức vụ: Phó trưởng phòng tín dụng doanh nghiệp và cá nhân Ngân hàng H - chi nhánh V

- Người bị kiện: **Ông Bế Văn Q**, sinh năm 1975 và **bà Nông Thị X**, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn 22, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 04 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

- Tại hợp đồng vay số TDE 3800001/HĐCV ngày 06/12/2017: Tổng số tiền gốc ông Bế Văn Q vay là 200.000.000đ ( Hai trăm triệu đồng), lãi phải thanh

toán trả đến ngày 04/07/2022 là 75.770.514đ ( *Bảy mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm mười bốn đồng*). Ông Bé Văn Q đã thanh toán cho Ngân hàng H - chi nhánh V tiền gốc 132.000.000đ ( *một trăm ba mươi hai triệu đồng*), lãi 60.373.680đ ( *sáu mươi triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi đồng*). Số tiền ông Bé Văn Q còn phải thanh toán cho Ngân hàng H - chi nhánh V tổng số tiền là 83.396.834đ ( *Tám mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu triệu tám trăm ba tư nghìn đồng*); trong số tiền nợ gốc là 68.000.000đ ( *Sáu mươi tám triệu đồng*), nợ lãi là 15.396.834đ ( *mười lăm triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm ba tư đồng*).

- Tại hợp đồng vay số TDE 15201439 /HĐCV ngày 27/11/2020: Tổng số tiền gốc bà Nông Thị X vay là 200.000.000đ ( *Hai trăm triệu đồng*), lãi phải thanh toán trả đến ngày 04/07/2022 là 32.347.769đ ( *Ba mươi hai triệu ba trăm bốn bảy triệu bảy trăm sáu chín đồng*). Bà Nông Thị X đã thanh toán cho Ngân hàng H - chi nhánh V tiền gốc 24.440.000đ ( *hai mươi tư triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), lãi 17.717.132đ ( *mười bảy triệu bảy trăm mười bảy nghìn một trăm ba hai đồng*). Số tiền bà Nông Thị X còn phải thanh toán cho Ngân hàng H - chi nhánh V tổng số tiền là 190.190.637đ ( *một trăm chín mươi triệu một trăm chín mươi nghìn sáu trăm ba bảy đồng*;) trong số tiền nợ gốc là 175.560.000đ ( *Một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), nợ lãi là 14.630.637đ ( *mười bốn triệu sáu trăm ba mươi triệu sáu trăm ba mươi bảy đồng*).

*Trường hợp ông Bé Văn Q và bà Nông Thị X chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số dư nợ gốc theo hợp đồng tại thời điểm chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại Hợp đồng tín dụng số TDE 3800001/HĐCV ngày 06/12/2017 và hợp đồng vay số TDE 15201439 /HĐCV ngày 27/11/2020 giữa Ngân hàng H - chi nhánh V với ông Bé Văn Q và bà Nông Thị X.*

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Hương Giang**

